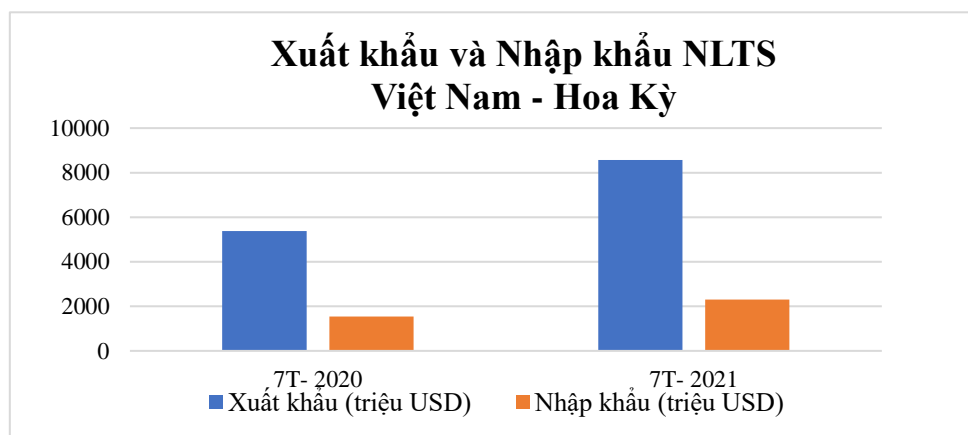


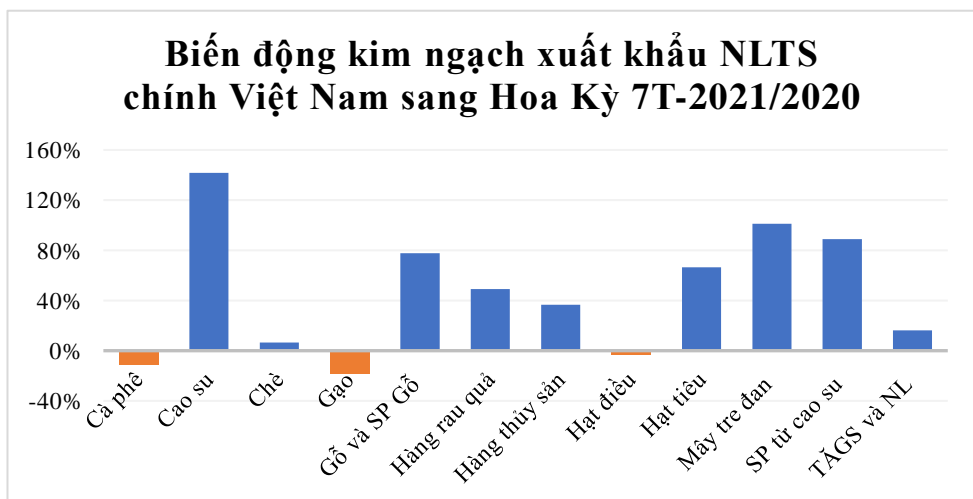
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường HOA KỲ



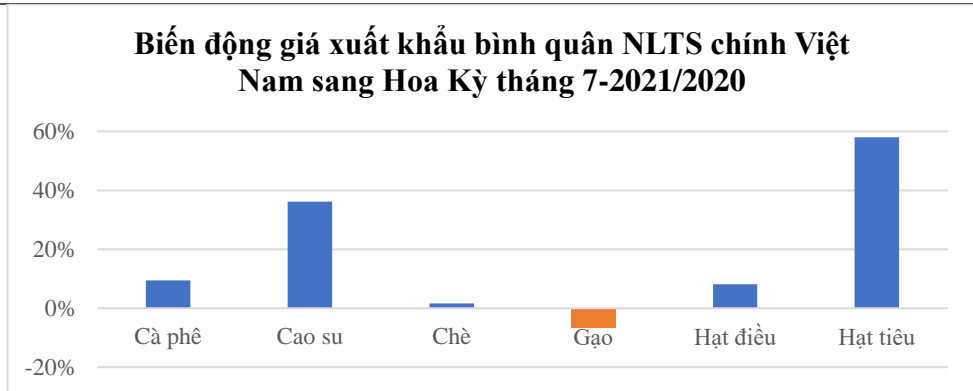
So sánh Kim ngạch XNK NLTS Việt Nam – Hoa Kỳ (7T – 2021/2020)

- Xuất khẩu ▲ 59,29%
- Nhập Khẩu ▲ 50,40%



So sánh 7T- 2021/2020

- Cà phê ▼ 11,08%
- Cao su ▲ 141,74%
- Chè ▲ 6,59%
- Gạo ▼ 18,78%
- Gỗ và SP Gỗ ▲ 77,77%
- Rau quả ▲ 49,17%
- Thủy sản ▲ 36,66%
- Hạt điều ▼ 2,92%
- Hạt tiêu ▲ 66,49%
- Mây tre đan ▲ 101,16%
- SP từ cao su ▲ 88,84%
- TĂGS và NL ▲ 16,16%



So sánh giá xuất khẩu bình quân T7-2021/2020

- Cà phê ▲ 9,45%
- Cao su ▲ 36,21%
- Chè ▲ 1,65%
- Gạo ▼ 6,56%
- Hạt điều ▲ 8,11%
- Hạt tiêu ▲ 57,99%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu nông lâm thủy sản (NLTS) lớn nhất của Việt Nam, chiếm xấp xỉ 27,05% tổng xuất khẩu NLTS trong tháng 7/2021. Bảy tháng đầu năm 2021, xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt hơn 8,57 tỷ USD, tăng 59,29% so với cùng kỳ năm 2020, trong khi nhập khẩu của Việt Nam từ thị trường này đạt 2,3 tỷ USD, tăng 50,4% so với cùng kỳ năm 2020. Tính riêng tháng 7/2021, kim ngạch xuất khẩu NLTS đạt gần 1,35 tỷ USD, giảm 13,39% so với tháng trước và tăng 26,31% so với cùng kỳ năm 2020.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 7/2021 là gỗ và các sản phẩm gỗ (chiếm 62,52%), thủy sản (17,59%), hạt điều (8,17%). So với tháng 6/2021, có 3/13 mặt hàng NLTS có kim ngạch xuất khẩu tăng, cao nhất cà phê (tăng 33,56%), cao su (tăng 6,8%), thủy sản (tăng 0,52%), và 10/13 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm, nhiều nhất là gạo (giảm 30,91%), rau quả (giảm 20,9%). So với cùng kỳ, tất cả các mặt hàng đều giảm về kim ngạch xuất khẩu, giảm mạnh nhất là gạo tới 99,72%, cao su giảm 97,21%, chè giảm 96,3%. *(Chi tiết tại phụ lục đính kèm).*

Theo dự báo cập nhật tháng 8/2021 của USDA, sản lượng gạo của Hoa Kỳ trong năm 2020/21 tiếp tục được dự báo sẽ đạt khoảng 7,23 triệu tấn, tăng khoảng 1,35 triệu tấn so với năm 2019/20. Mức nhập khẩu gạo năm 2020/21 của Hoa Kỳ dự báo chỉ ở mức 1,2 nghìn tấn, giảm khoảng 0,01 nghìn tấn so với năm 2019/20.

Hiệp hội Cà phê Xanh Hoa Kỳ báo cáo tồn kho dự trữ tại các cảng của nước này đã tăng 294.885 bao, tăng 5,1% trong tháng 7, lên mức 6.074.346 bao, đánh dấu mức dự trữ cà phê xanh cao nhất của Hoa Kỳ kể từ tháng 10 năm 2020 tới nay. Với mức tiêu thụ ước tính hàng tuần của Hoa Kỳ và Canada từ các kho dự trữ này là khoảng 585.000 bao, mức dự trữ này được nhận định là an toàn, tương đương với hơn 11 tuần hoạt động rang xay liên tục.

Theo báo cáo cập nhật mới nhất của USDA, trong năm tài chính 2022, tổng nhập khẩu nông sản của Hoa Kỳ dự kiến sẽ tăng 2,0 tỷ USD so với dự báo năm 2021, lên 159,5 tỷ USD, và tăng 16,1 tỷ USD so với năm 2020, do tăng nhập khẩu ở các sản phẩm chăn nuôi và thịt bò, hạt có dầu và các sản phẩm làm vườn. Cũng theo báo cáo này, trong năm tài chính 2021, giá trị nhập khẩu trái cây tươi dự kiến sẽ tăng 1,2 tỷ USD so với năm 2020, lên mức 15,2 tỷ USD. Nhập khẩu rau tươi cả năm tài chính 2021 dự kiến cũng sẽ tăng 400 triệu USD so với 2020 lên mức 10,3 tỷ USD, nhập khẩu rau chế biến dự kiến sẽ vượt mức dự báo trước đó là 200 triệu USD, lượng nhập khẩu rau đã qua chế biến sẽ tăng hơn nữa trong năm tài chính 2022 dự kiến sẽ mang lại giá trị 6,6 tỷ USD. Trong năm tài chính 2021, nhập khẩu gia súc, sữa và gia cầm; thịt bò và thịt lợn cũng được dự

báo sẽ tăng, lần lượt ở mức 700 triệu USD lên mức 19,3 tỷ USD, 800 triệu lên mức 7,2 tỷ USD và 100 triệu USD lên mức 1,8 tỷ USD do nguồn cung trong nước của các loại sản phẩm này dự kiến sẽ hạn chế hơn. Dự báo nhập khẩu đối với gia cầm và các sản phẩm là 900 triệu USD do nhu cầu nội địa tăng mạnh.

Các nhà kinh tế tại ngân hàng Goldman Sachs (Mỹ) mới đây đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế quý III/2021 từ 9% xuống 5,5% do lạm phát cao hơn và sự lây lan nhanh chóng của biến thể Delta, tuy nhiên, nền kinh tế Mỹ dự kiến sẽ vẫn tăng trưởng khoảng 7% trong năm nay, là mức cao nhất kể từ năm 1984 tới nay.

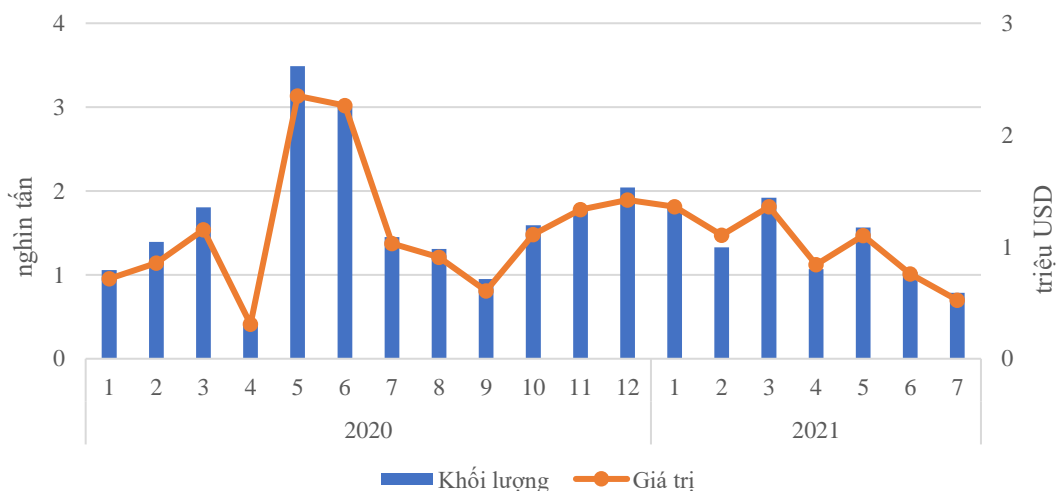
CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo dự báo cập nhật tháng 8/2021 của USDA, sản lượng gạo của Hoa Kỳ trong năm 2020/21 tiếp tục được dự báo sẽ đạt khoảng 7,23 triệu tấn, tăng khoảng 1,35 triệu tấn so với năm 2019/20. Mức nhập khẩu gạo năm 2020/21 của Hoa Kỳ dự báo đạt 1,2 nghìn tấn, giảm khoảng 0,01 nghìn tấn so với năm 2019/20.

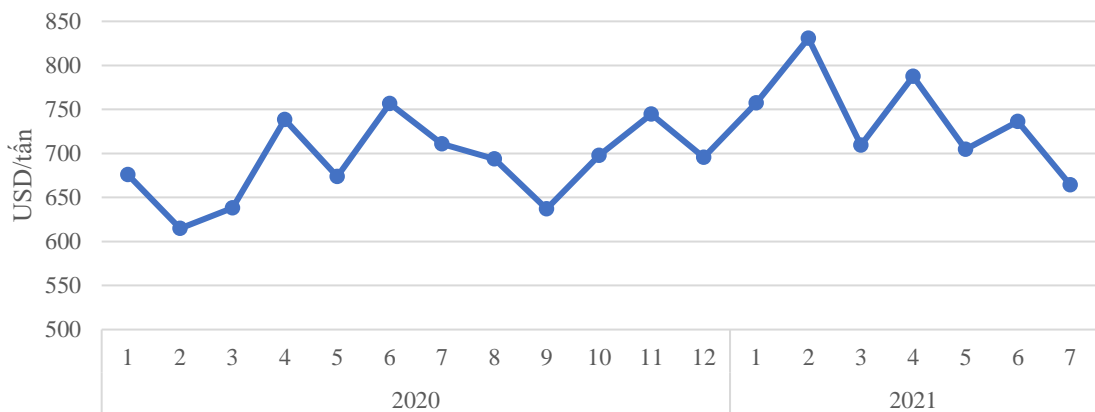
Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 7/2021, Việt Nam xuất khẩu được 0,8 nghìn tấn gạo, trị giá 0,5 triệu USD sang thị trường Hoa Kỳ, giảm 23,4% về khối lượng và 30,9% về giá trị so với tháng trước; và giảm 45,7% về khối lượng và 49,3% về giá trị so với cùng kỳ 2020. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 7 tháng đầu năm 2021 đạt 9,5 nghìn tấn, trị giá 7,0 triệu USD, giảm 24,7% về khối lượng và 18,8% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

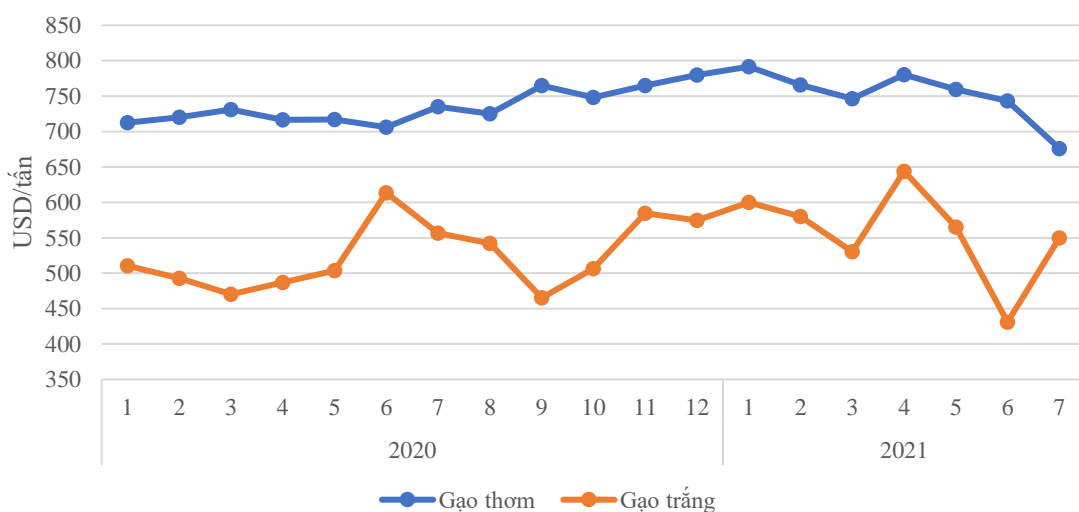
Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hoa Kỳ tháng 7/2021 đạt 664,3 USD/tấn, giảm 9,8% so với tháng trước và 6,6% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7/2021, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 0,5 nghìn tấn, trị giá 0,4 triệu USD (chiếm 70,4% về khối lượng và 72,3% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo thơm sang Hoa Kỳ đã giảm 52,7% về khối lượng và 56,4% về giá trị. Đứng thứ hai là gạo trắng với 0,1 nghìn tấn, trị giá 0,08 triệu USD (chiếm 18,8% về khối lượng và 15,6% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo trắng sang Hoa Kỳ đã giảm 35,2% về khối lượng và 35,4% về giá trị.

Giá xuất khẩu gạo thơm tháng 7/2021 đạt trung bình 676,1 USD/tấn, giảm 9,1% so với tháng trước và 8,0% so với cùng kỳ năm ngoái. Ngoài ra, giá gạo trắng đạt 550,0 USD/tấn, tăng 27,6% so với tháng trước và giảm 1,2% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hoa Kỳ

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Ghi chú: Giá gạo trắng không bao gồm các loại gạo hữu cơ

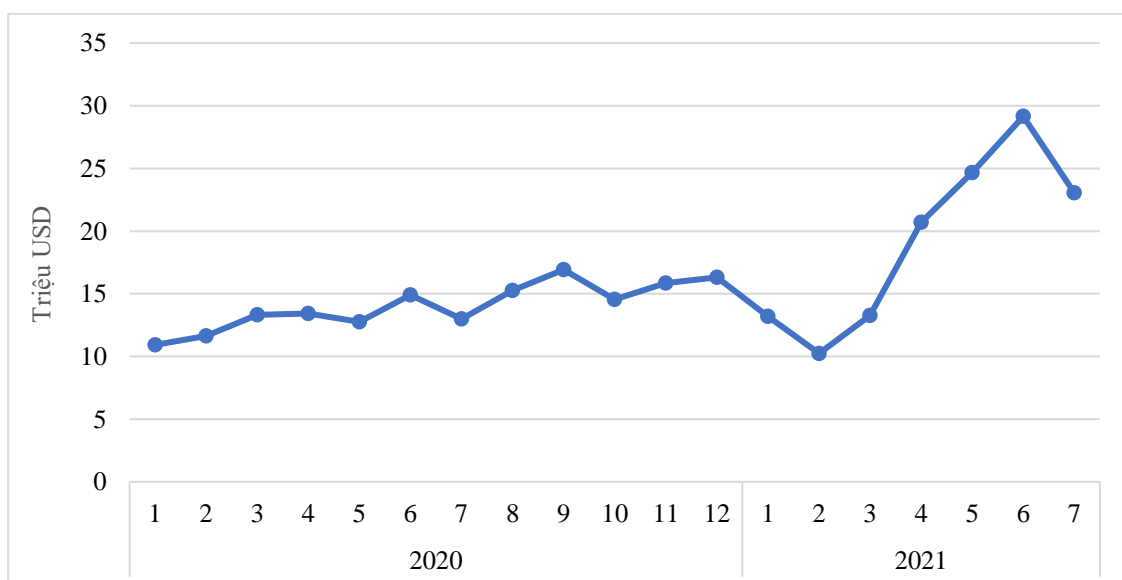
Trong tháng 7/2021, top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hoa Kỳ là Công ty CP Soharice, Công ty TNHH Dương Vũ và Công ty CP Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm. Ba công ty này chiếm lần lượt 34,9%, 15,6% và 15,1% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 7/2021. So với cùng kỳ năm 2020, Công ty CP Soharice và Công ty TNHH Dương Vũ giảm lần lượt 45,4% và 12,0%, trong khi Công ty CP Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm tăng 20,5%.

2. RAU QUẢ

Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), sản lượng bưởi tại Hoa Kỳ dự kiến sẽ tăng 6% lên 512.000 tấn do thời tiết thuận lợi ở California và Texas, tiêu thụ và chế biến bưởi dự kiến sẽ đều tăng do nguồn cung tăng, trong khi xuất khẩu không đổi. Sản lượng chanh tại Hoa Kỳ dự báo giảm 6% xuống còn 940.000 tấn do sản lượng ở California giảm, tiêu thụ dự kiến sẽ tăng, nhập khẩu tăng.

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 7 năm 2021 đạt 23,1 triệu USD, chiếm 8,7% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, giảm 20,9% so với tháng trước và tăng 77,3% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu rau quả sang Hoa Kỳ đạt 134,3 triệu USD, tăng 49,3% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ



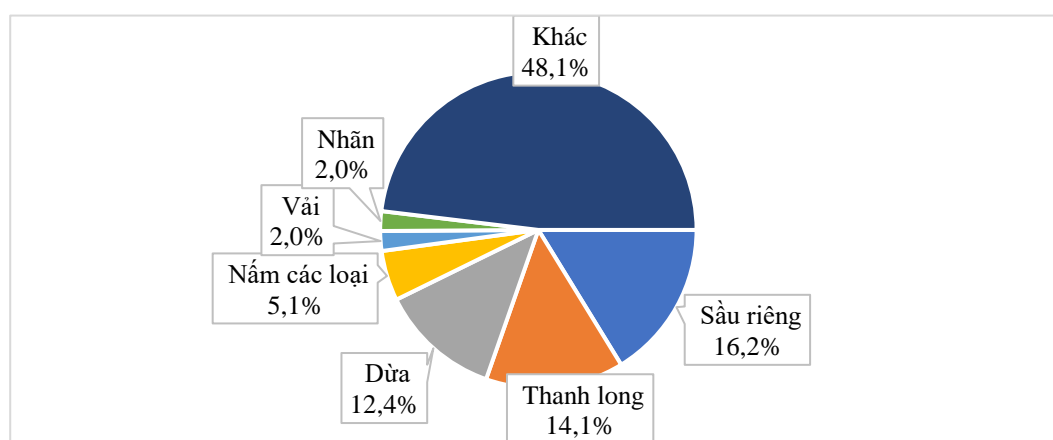
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 7 năm 2021, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 12,2 triệu USD (chiếm 53,0% thị phần, tăng 97,9% so với cùng kỳ năm 2020) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 10,8 triệu USD (chiếm

47,0% thị phần), tăng 58,6%, trong đó: (i) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 4 triệu USD (tăng 84,5% so với cùng kỳ năm 2020); (ii) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 3,5 triệu USD (tăng 32,6%); (iii) rau chế biến (không đông lạnh) (mã HS.2005) đạt 1,6 triệu USD (tăng 212,1%); ...

Trong tháng 7 năm 2021, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ nhiều nhất bao gồm: sầu riêng đạt 3,7 triệu USD (chiếm 16,2% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 414,9% so với cùng kỳ năm 2020; thanh long đạt 3,3 triệu USD (chiếm 14,1%), tăng 366,4%; dứa đạt 2,9 triệu USD (chiếm 12,4%), tăng 81,6%; nấm các loại đạt 1,2 triệu USD (chiếm 5,1%), tăng 82,4%; ...

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 7 năm 2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hoa Kỳ tháng 7 năm 2021 đạt 27,7 triệu USD, chiếm 20,2% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, giảm 15,0% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, giá trị nhập khẩu rau quả từ Hoa Kỳ đạt 182,7 triệu USD (chiếm 15,7%), tăng 1,0% so với cùng kỳ năm 2020. Trong tháng 7/2021, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là hạnh nhân đạt 6,7 triệu USD, chiếm 24,4% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 233,1% so với cùng kỳ năm 2020; hạt dẻ đạt 6,6 triệu USD (chiếm 23,8%), tăng 32,6%; anh đào đạt 5,5 triệu USD (chiếm 19,7%), giảm 62,1%; nho đạt 5 triệu USD (chiếm 18,0%), giảm 34,9%; khoai tây đạt 1,4 triệu USD (chiếm 5,2%), tăng 301,5%; ...

Trong tháng 7/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hoa Kỳ là Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại Khu công nghiệp Biên Hòa II, Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Olam Việt Nam và Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang với tỷ trọng xuất khẩu lần lượt là 8,2%; 5,6% và 5,1%. So sánh với cùng kỳ năm ngoái, kim ngạch xuất khẩu của Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại Khu công nghiệp Biên Hòa II giảm 2,8% và Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang

tăng 398,2%. Trong khi đó, Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Olam Việt Nam không xuất khẩu trong tháng 7/2020 nhưng đã đẩy mạnh xuất khẩu trong tháng 7/2021.

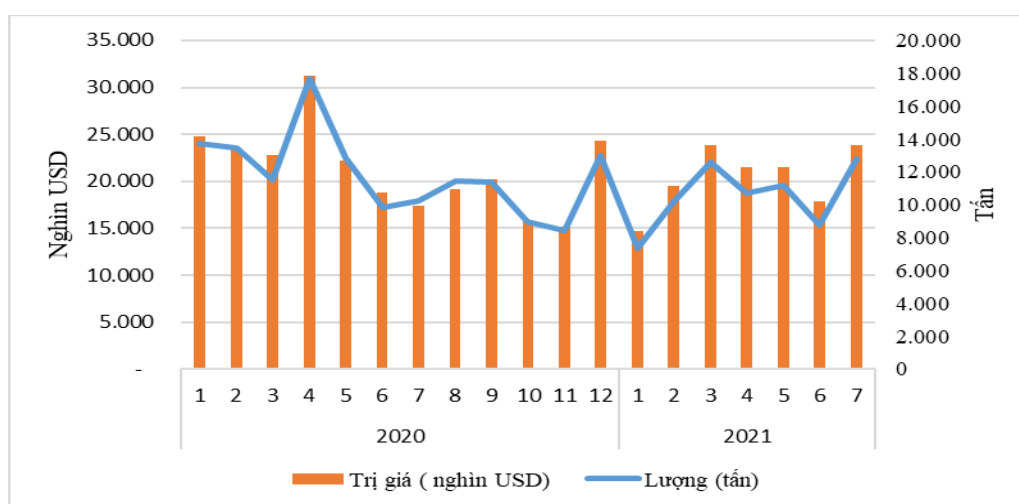
3. CÀ PHÊ

Dữ liệu Công thông tin cà phê thế giới cho thấy đồ uống lạnh là mặt hàng chủ lực quanh năm của các quán cà phê ở Hoa Kỳ, ngay cả trong những tháng mùa đông, 41% người tiêu dùng Mỹ được khảo sát đã mua đồ uống có đá ở ngoài nhà. Chuỗi cà phê Kevin Johnson tiết lộ doanh số bán đồ uống lạnh tiếp tục tăng cao ở Mỹ, đặc biệt là ở những người tiêu dùng trẻ tuổi, tương tự doanh số bán đồ uống lạnh vào mùa xuân và mùa hè của Starbucks vượt đáng kể so với đồ uống nóng trên toàn nước Mỹ, chiếm 74% tổng doanh số bán đồ uống trong quý tài chính thứ ba kết thúc vào ngày 27 tháng 6.

Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu cà phê lớn thứ 2 của Việt Nam, chiếm khoảng 10% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 7/2021 đạt 12.819 tấn, trị giá 23,8 triệu USD, tăng 46,22% về khối lượng và tăng 33,56% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm 2020, xuất khẩu cà phê tăng 25% về khối lượng và tăng 36,82% về giá trị.

Lũy kế 7 tháng đầu năm 2021 đạt 73.656 tấn, trị giá 142,7 triệu USD, tăng 21,26% về lượng và tăng 12,46% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

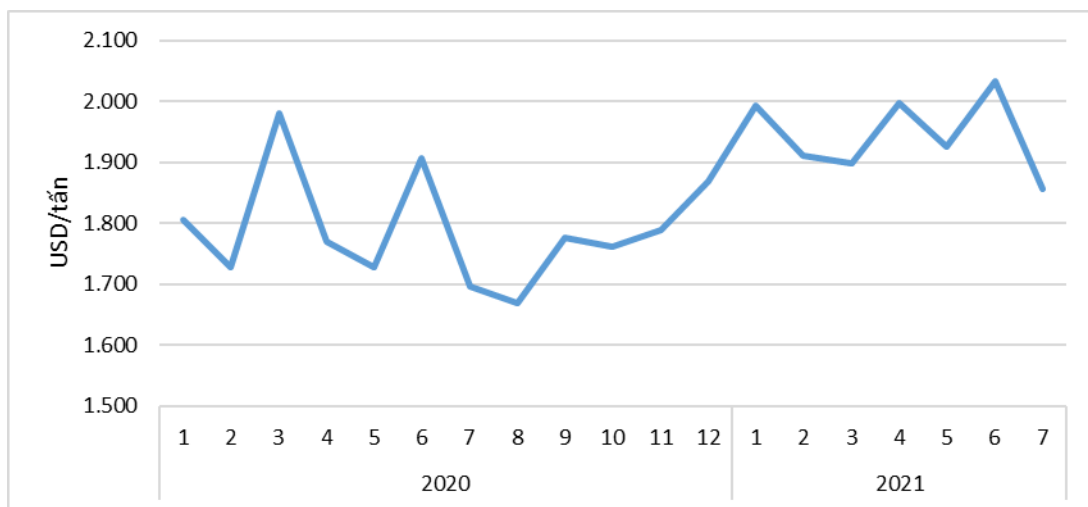
Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 7/2021, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ đạt trung bình 1.856 USD/tấn, giảm 8,66% so với tháng trước, đồng thời tăng 9,45% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ

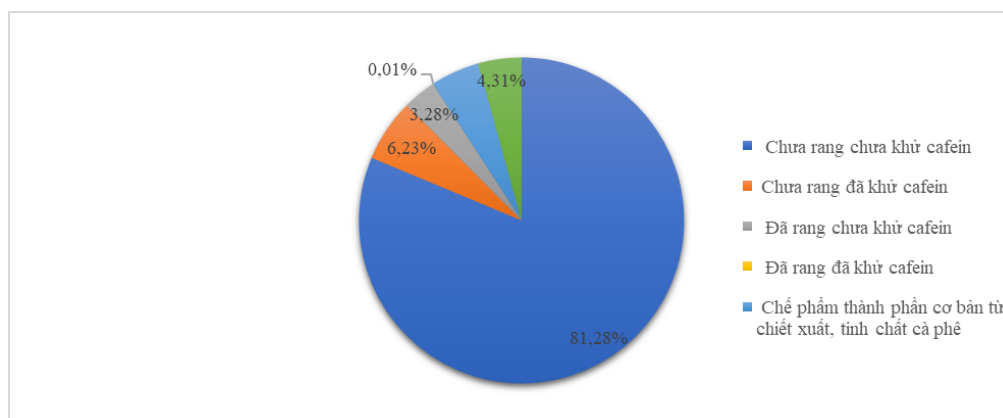


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu sản phẩm tháng 7/2021, cà phê nhân chiếm tỷ trọng 90,81%, cà phê chế biến chiếm tỷ trọng 9,19% trong khi cùng kỳ năm 2020 tỷ trọng trên lần lượt là 87,8% và 12,2%, cụ thể như sau:

Cà phê chưa rang, chưa khử caffein đạt 19,34 triệu USD, chiếm tỷ trọng cao nhất là 81,28%, tăng 38,8% so cùng kỳ. Cà phê chưa rang, đã khử caffein đạt 1,48 triệu USD, chiếm 6,23%, tăng 36,26% so với cùng kỳ. Tiếp đến là chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê đạt 1,16 triệu USD, chiếm 4,88%, tăng 267% so với cùng kỳ. Tinh chất, chiết xuất cô đặc đạt 1,02 triệu USD, chiếm 4,31%, giảm 43,2% so cùng kỳ. Cà phê đã rang, chưa khử caffein đạt 780 nghìn USD, chiếm tỷ trọng 3,28%, tăng 217% so với cùng kỳ.

Hình 8: Cơ cấu sản phẩm, cà phê xuất khẩu sang Hoa Kỳ tháng 7/2021



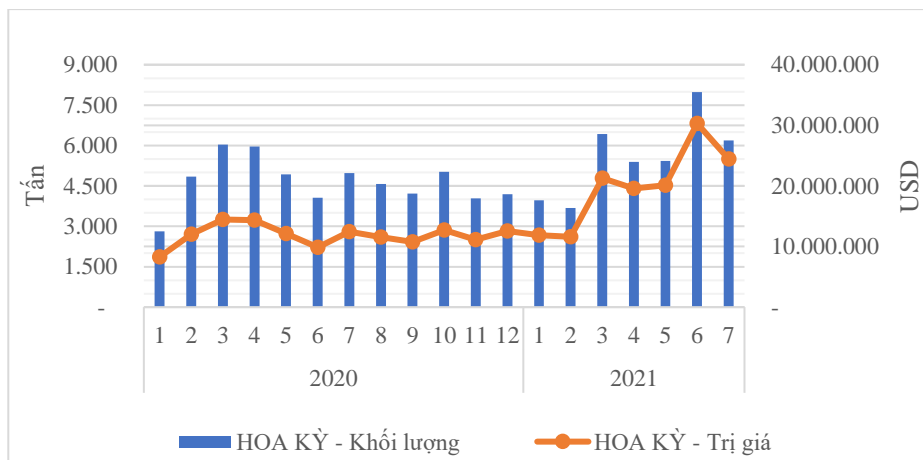
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hoa Kỳ là: Công Ty Cổ Phần Tập đoàn Intimex, Công ty Cổ phần Intimex Mỹ Phước, Công ty Cổ phần Intimex Buôn Ma Thuột với thị phần lần lượt là: 20,06%; 7,86% và 7,07%.

4. HỒ TIÊU

Theo công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan, tính đến tháng 7/2021, Hoa Kỳ vẫn là quốc gia nhập khẩu hồ tiêu lớn nhất của Việt Nam. Trong tháng 7/2021, Việt Nam xuất khẩu được 6,189 tấn hồ tiêu với trị giá 24,46 triệu USD, giảm 22,49% về khối lượng và giảm 19,29% về giá trị so với tháng 6/2021, tăng 24,35% về khối lượng và tăng 96,46% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

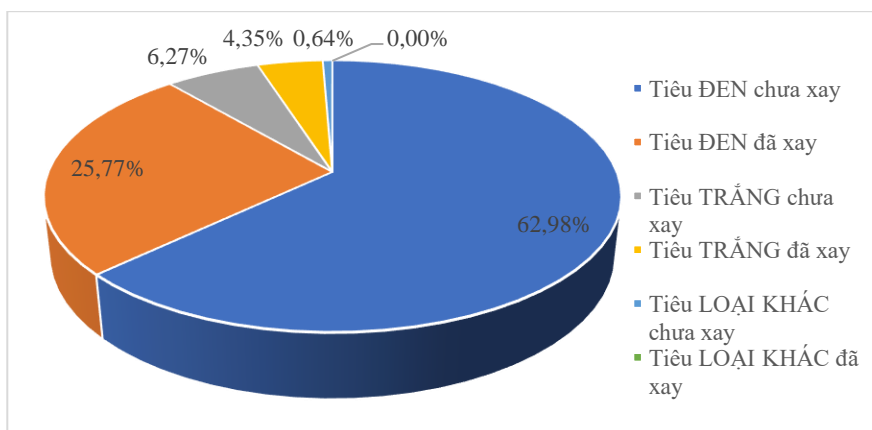
Hình 9. Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cũng trong tháng 7/2021, tiêu đen chưa xay vẫn là loại sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 62,98% tổng giá trị tiêu các loại xuất khẩu xuất sang Hoa Kỳ, tăng 3,69% so với tháng trước đó và tăng 1,99% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm được xuất khẩu nhiều thứ hai là tiêu đen đã xay, chiếm 25,77%, tăng 22,35% so với tháng trước và tăng 19,86% so với cùng kỳ năm trước.

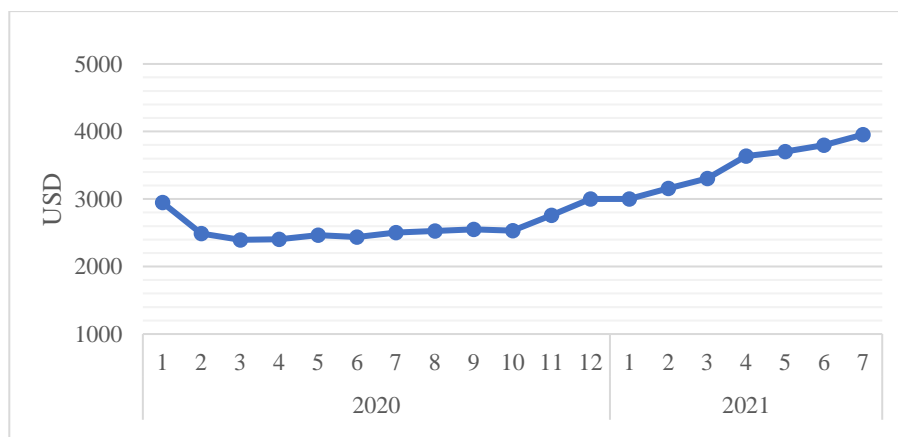
Hình 10. Cơ cấu xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 7/2021



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá xuất khẩu trung bình của hồ tiêu Việt Nam vào thị trường này trong tháng 7/2021 vẫn tiếp tục tăng kể từ tháng 10/2020, đạt mức 3.953 USD/tấn, tăng 4,1% so với tháng trước và tăng 58% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 11. Giá xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ



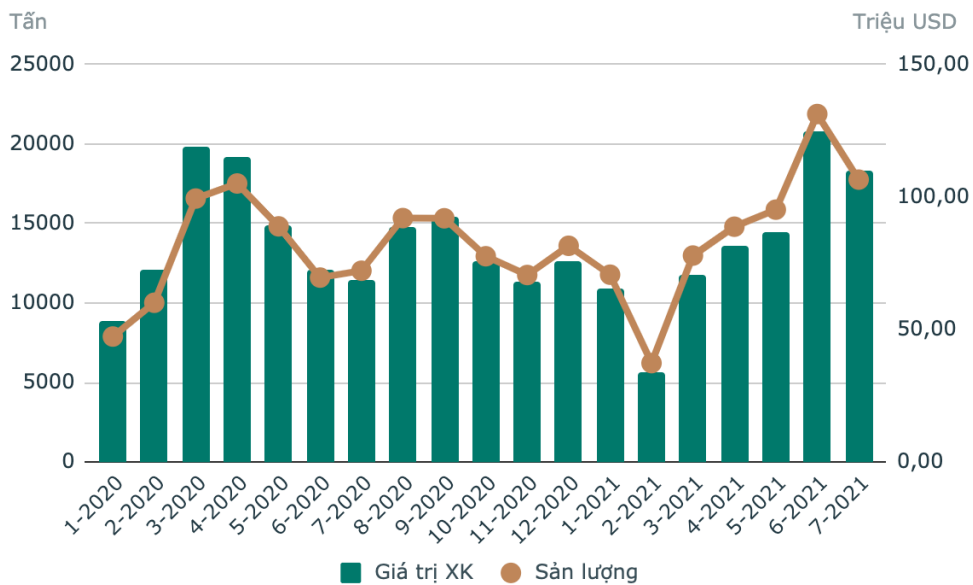
Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

Top 3 doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường này có sự góp mặt của 2 doanh nghiệp là Công ty CP Phúc Sinh (giữ vị trí thứ nhất với 16,6% tổng kim ngạch) và Công ty TNHH Harris Freeman Việt Nam (giữ vị trí thứ ba với 13,62% tổng kim ngạch), đây đều là các công ty không góp mặt trong Top 3 doanh nghiệp xuất khẩu hồ tiêu lớn sang Hoa Kỳ trong tháng trước đó. Đứng thứ 2 trong Top 3 vẫn là Chi nhánh Long Bình – Công ty TNHH Olam Việt Nam với 15,06% tổng kim ngạch. Cả 3 doanh nghiệp này đều có mức tăng trưởng tốt so với tháng trước (tăng lần lượt theo thứ bậc trong Top 3 là 40%, 2,4% và 43,2%) và cùng kỳ năm trước (tăng lần lượt là 329,9%, 94,7% và 218,4%).

5. HẠT ĐIỀU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 7/2021, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ đạt 17,77 nghìn tấn, trị giá 109,85 triệu USD, tăng 47,6% về khối lượng và 59,6% về giá trị so với tháng 6/2021. Xuất khẩu sang thị trường đang có xu hướng giảm so với tháng trước do ảnh hưởng tiêu cực từ dịch Covid, các nhà máy đang phải giảm lao động để đảm bảo quy định phòng chống dịch kéo theo công suất sản xuất của các nhà máy chế biến giảm mạnh. Ngoài ra, việc khó khăn trong vận chuyển cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến giảm giá trị xuất khẩu hạt điều sang thị trường Hoa Kỳ so với tháng trước.

Hình 12. Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ

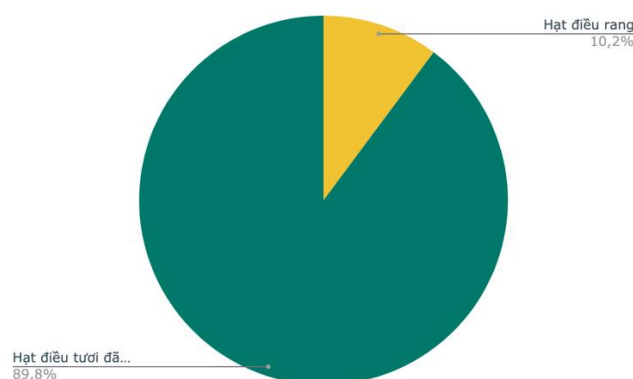


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tính hết 7 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này đạt 573,63 triệu USD, tương ứng với 101,34 ngàn tấn, giảm 2,9% về giá trị và tăng 12% về sản lượng so với cùng kỳ năm trước.

Xuất khẩu điều sang thị trường này vẫn chủ yếu là hạt điều tươi đã bóc vỏ chiếm tới 89,9%. Tuy nhiên, xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ đang dần có sự chuyển dịch tăng sản phẩm điều chế biến sâu, so với tháng trước giá trị xuất khẩu hạt điều chế biến sâu tăng 13,6%

Hình 13. Cơ cấu sản phẩm điều xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



So với tháng 6/2020

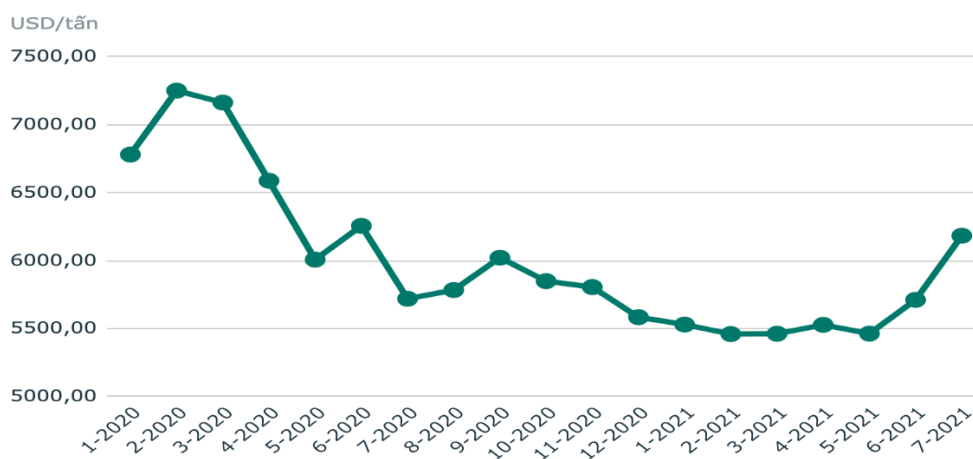
- Hạt điều rang đạt 11,2 (tr.USD) ▲ 128,7%
- Hạt điều tươi đã bóc vỏ đạt 98,65 (tr.USD), ▲ 52%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá xuất khẩu điều trung bình sang thị trường Hoa Kỳ vẫn giữ được nhịp tăng từ những tháng trước. Cụ thể, giá xuất khẩu điều bình quân tháng 7/2021 đạt 6,18 nghìn USD/tấn, tăng 8,3 % so với tháng trước và 8,1% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, giá

xuất khẩu hạt điều tươi đã bóc vỏ sang thị trường này trung bình đạt 6,12 USD/kg , tăng 8,3% so với tháng trước và 5,2% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 14: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

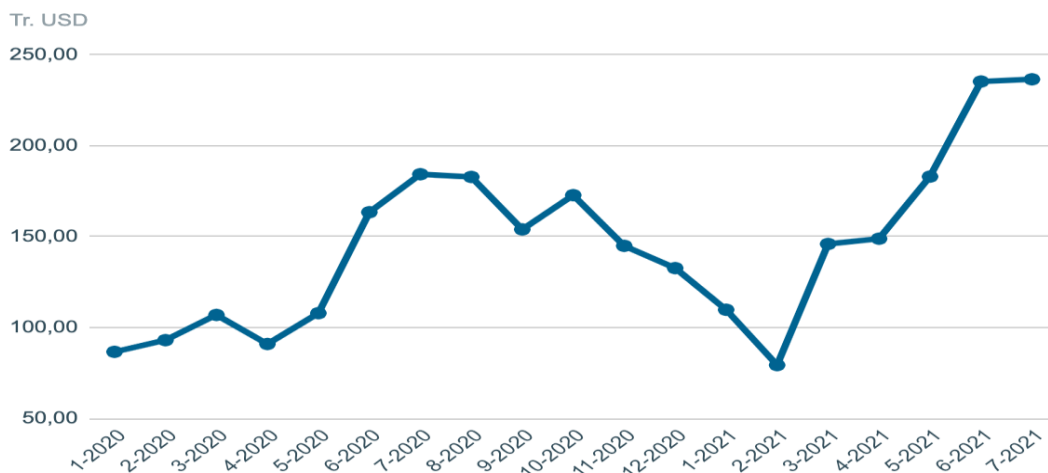
Tháng 7/2021, 3 công ty xuất khẩu điều lớn nhất sang thị trường này bao gồm: ông ty TNHH chế biến thực phẩm OLAM Việt Nam chi nhánh tại Biên Hòa II chiếm 6,72% tổng giá trị điều xuất khẩu sang thị trường này; Công ty TNHH chế biến thực phẩm OLAM Việt Nam chiếm 6,49%; và Công ty TNHH xuất nhập khẩu nông sản Minh Loan chiếm 5,3%.

6. THỦY SẢN

Trong nửa đầu năm 2021, doanh thu bán hàng thủy sản tươi sống và đông lạnh của Hoa Kỳ tăng so với cùng kỳ năm 2020. Doanh thu bán hàng thủy sản đông lạnh của Hoa Kỳ trong nửa đầu năm 2021 đạt 3,8 tỷ USD, tăng 2,5% so với nửa đầu năm 2020, và tăng tới 40,3% so với nửa đầu năm 2019. Doanh thu thủy sản tươi sống trong nửa đầu năm 2021 của Hoa Kỳ tăng 9,6% so với nửa đầu năm 2020 và tăng 33,6% so với năm 2019, đạt 3,7 tỷ USD. Trong đó, doanh thu bán cá tươi tăng 17,3% so với cùng kỳ năm 2020 và 23% so với cùng kỳ năm 2019, trong khi doanh số bán thủy sản có vỏ tươi tăng 36,7% so với cùng kỳ năm 2020 và 48,5% so với cùng kỳ năm 2019. Các sản phẩm tươi sống được tiêu thụ nhiều tại Hoa Kỳ trong 6 tháng đầu năm 2021 gồm: cá hồi, cua, tôm hùm, cá tuyết, cá da trơn, cá rô phi, sò điệp, cá ngừ và cá hồi hun khói. Năm sản phẩm dẫn đầu về doanh thu trong nửa đầu năm 2021 là: cá hồi, cua, tôm, tôm hùm và cá da trơn.

Hoa Kỳ vẫn duy trì là thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam và vẫn giữ được mức tăng trưởng dương. Theo tổng cục hải quan, tháng 7/2021, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt hơn 236,56 triệu USD, tăng 28,3% so với cùng kỳ năm 2020, và 9,8% so với tháng trước. Tôm là mặt hàng thủy sản lớn nhất xuất khẩu sang thị trường này trong tháng 7/2021, chiếm 60,7%, cá da trơn chiếm 13,8%.

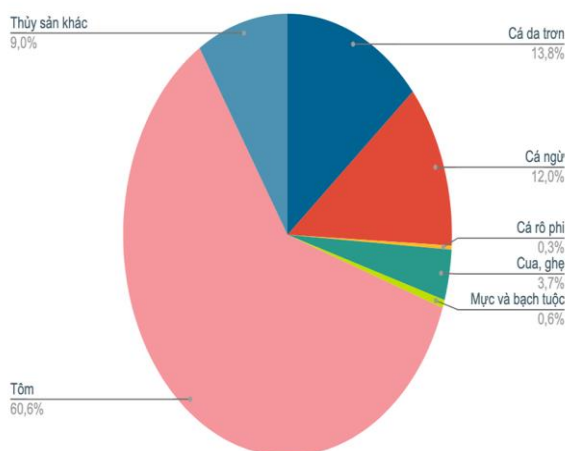
Hình 15: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt 1,14 tỷ USD, tăng 36,66% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này không còn giữ được mức độ tăng trưởng 2 con số như những tháng trước cụ thể: giá trị xuất khẩu cá da trơn chỉ tăng 0,9% so với tháng 6/2021; tôm tăng 1,5%; cá ngừ tăng 4%.

Hình 16: Cơ cấu xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ tháng 7/2021



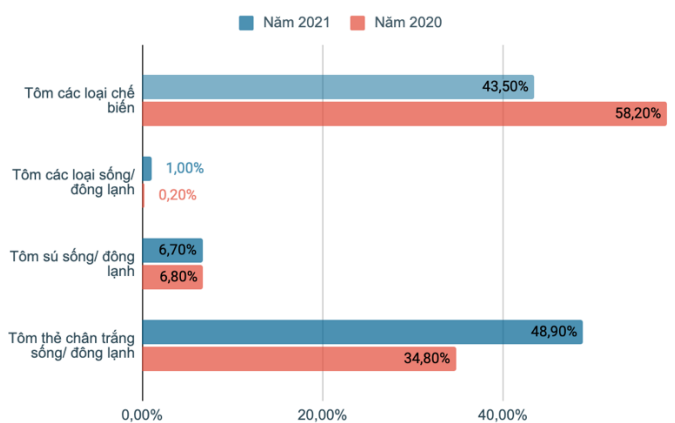
Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

So với tháng 7/2020

- Cá rô phi đạt 0,7 (tr.USD) ▲ 248,4%
- Cua – ghẹ đạt 8,81 (tr.USD) ▲ 210%
- Thủy sản khác đạt 21,26 (tr.USD) ▲ 51,4%
- Tôm đạt 143,5 (tr.USD) ▲ 27,8%
- Mực và bạch tuộc đạt 1,32 (tr.USD) ▲ 27,8%
- Cá da trơn đạt 32,59 (tr.USD) ▲ 19,5%
- Cá ngừ đạt 28,37 tr.USD, ▲ 6,5%

Tôm là mặt hàng xuất khẩu ổn định và tăng trưởng tốt tại thị trường Hoa Kỳ. Tuy nhiên, xuất khẩu tôm sang thị trường này đang chịu sự cạnh tranh lớn từ Ê-cu-a-đo và In-đô-nê-xi-a. Theo Rabobank, năm 2020 và năm 2021, Ê-cu-a-đo đã vượt Ấn Độ trở thành thị trường xuất khẩu tôm lớn nhất thế giới với sự thay đổi cơ cấu thị trường ấn tượng. Theo đó, Ê-cu-a-đo đã thành công trong việc chuyển đổi thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường Bắc Mỹ, Châu Âu và các thị trường khác khi xuất khẩu sang Trung Quốc gặp khó khăn. Xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo tăng một phần do nguồn cung từ Ấn Độ giảm khi dịch Covid-19 bùng phát và ảnh hưởng của cơn bão vào tháng 5/2021. Khả năng xuất khẩu tôm của Ấn Độ phục hồi trong nửa cuối năm vẫn còn chưa chắc chắn bởi ngành thủy sản nước này vẫn còn đối mặt với nhiều thách thức.

Hình 17: Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Hoa Kỳ tháng 7 năm 2020/2021



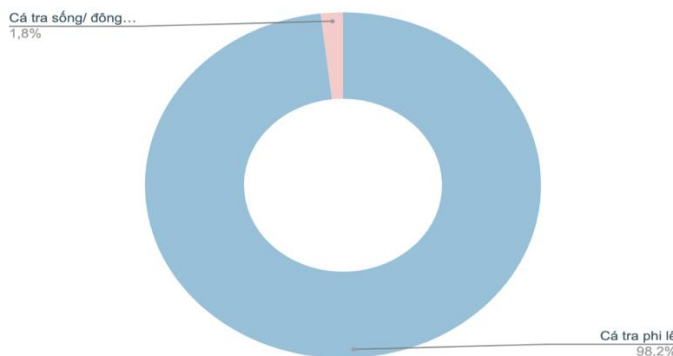
So với tháng 6/2020

- Tôm sú sống/đông lạnh đạt 10,97 (tr.USD), ▲ 544,1%
- Tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 63,50 (tr.USD), ▲ 191,6%
- Tôm các loại khác đạt 0,69 (tr.USD), ▲ 92,3%
- Tôm chế biến các loại đạt 66,26 (tr.USD), ▲ 58,5%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Xuất khẩu cá da trơn sang thị trường này vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng nhưng đang có dấu hiệu chững lại chỉ tăng 0,9% so với tháng 6/2021

Hình 18: Cơ cấu xuất khẩu cá tra sang Hoa Kỳ tháng 7/2021



So với tháng 7/2020

- Cá tra phi lê đạt 31,99 (tr.USD), ▲ 21,40%.
- Cá tra sống/đông lạnh trừ phi lê đạt 0,59 (tr.USD), ▼ 2,1%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Tháng 7, giá xuất khẩu tôm đạt trung bình 11,77 USD/kg, giảm 4% so với cùng kỳ năm 2020; mực và bạch tuộc đạt 12,22 USD/kg, tăng 14,7%. Cụ thể,

Bảng 1. Giá một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang Hoa Kỳ tháng 7/2021

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	4,78	62,00%	-32,90%
2	Cá ngừ	10,41	16,20%	4,60%
3	Cua, ghẹ	17,66	30,10%	-4,90%
4	Mực và bạch tuộc	12,22	14,70%	16,10%
5	Tôm	11,77	4,00%	11,30%

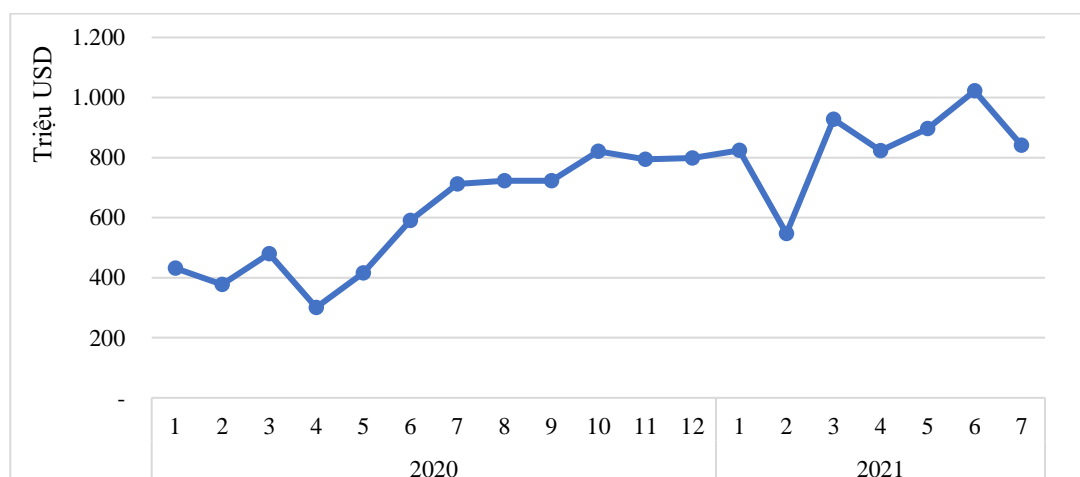
Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Tháng 7 năm 2021, Top 3 công ty có giá trị xuất khẩu lớn sang thị trường Mỹ là: Công ty cổ phần thủy sản Sóc Trăng, chiếm 14,3% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ; Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú chiếm 7,2%; Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn chiếm 5,8%.

7. GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 7/2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 840,9 triệu USD, giảm 17,7% so với tháng trước nhưng tăng 18,1% so với cùng kỳ năm 2020.

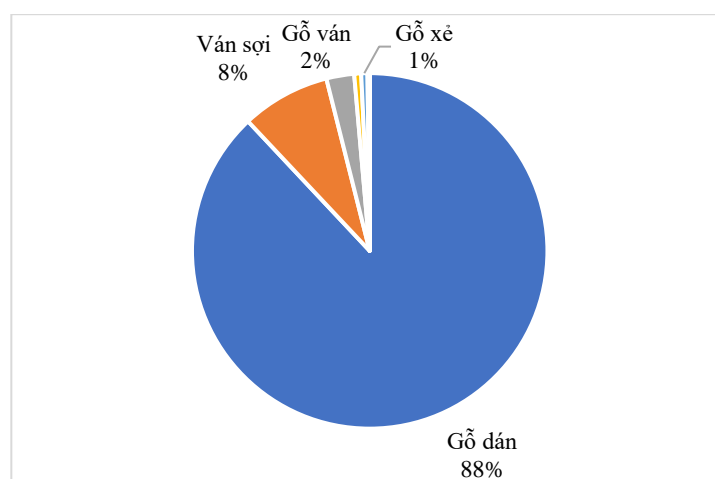
Hình 19. Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7/2021, gỗ dán là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 36,4 triệu USD, chiếm 88,0% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là ván sợi với kim ngạch 3,3 triệu USD, chiếm 8,1% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gỗ ván và gỗ được tăng độ rắn, chiếm lần lượt 2,5% và 0,6% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

Hình 20. Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 7/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7/2021, top 3 công ty xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ là Công ty TNHH JUNMA Phú Thọ, Công ty TNHH MTV Gỗ Khang Đạt và Công ty Cổ phần Ván sàn Kim Tín. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt là 16,6%, 10,0% và 5,8% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 sang thị trường Hoa Kỳ.

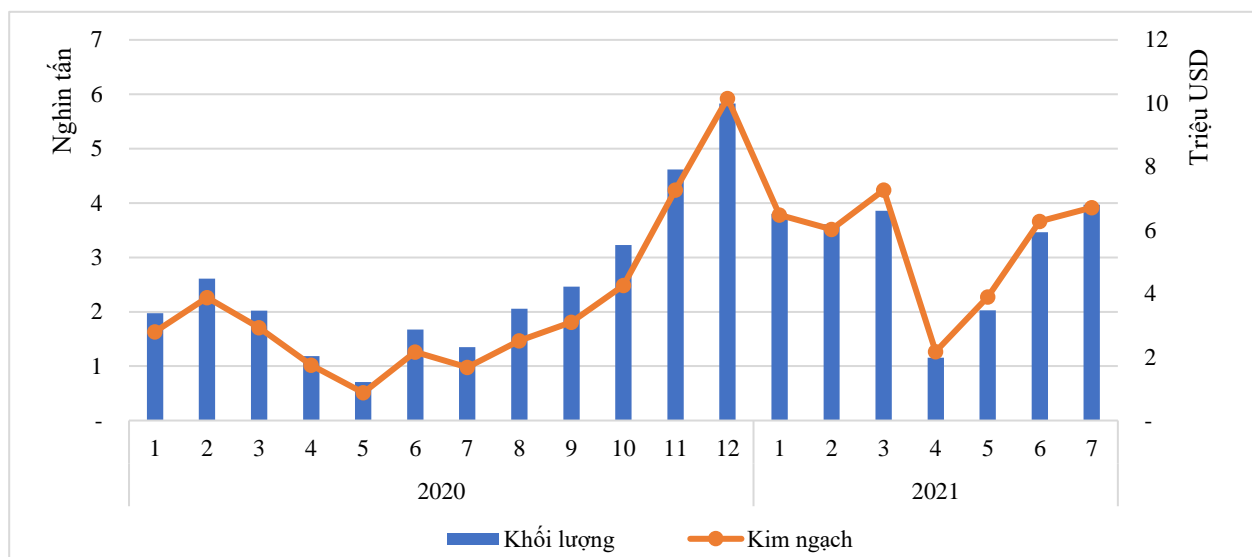
8. CAO SU

Trong 6 tháng đầu năm 2021, Mỹ nhập khẩu 444.950 tấn cao su tự nhiên (mã HS: 4001), trị giá 789,22 triệu USD, giảm 3,5% về lượng, nhưng tăng 13,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Indonesia, Thái Lan, Bờ Biển Ngà, Việt Nam và Liberia là 5 thị trường cung cấp cao su tự nhiên nhiều nhất cho Mỹ trong 6 tháng đầu năm 2021.

Trong 6 tháng đầu năm 2021, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su tự nhiên lớn thứ 4 cho Mỹ, với 20.950 tấn, trị giá 36,93 triệu USD, tăng 54,2% về lượng và tăng 82,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Thị phần cao su tự nhiên của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Mỹ chiếm 4,7% trong 6 tháng đầu năm 2021, tăng so với mức 2,9% của 6 tháng đầu năm 2020.

Theo Tổng cục Hải quan Việt Nam, tháng 7/2021, xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 4,0 nghìn tấn với trị giá 6,7 triệu USD, tăng 14,6% về khối lượng và 6,8% về giá trị so với tháng trước, và tăng 193,9% về khối lượng và tăng 300,4% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

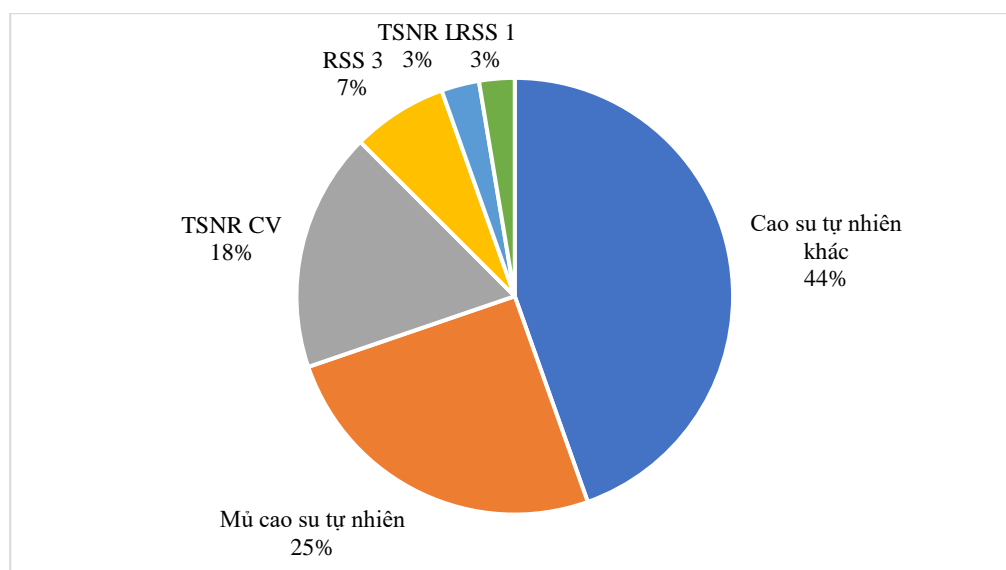
Hình 21: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7/2021, mủ cao su tự nhiên là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 1,7 triệu USD, chiếm 25,2% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cao su đã định chuẩn kỹ thuật TSNR CV với kim ngạch 1,2 triệu USD, chiếm 17,7% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là tấm cao su xông khói RSS 3 và TSNR L, chiếm lần lượt 7,1% và 2,8% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

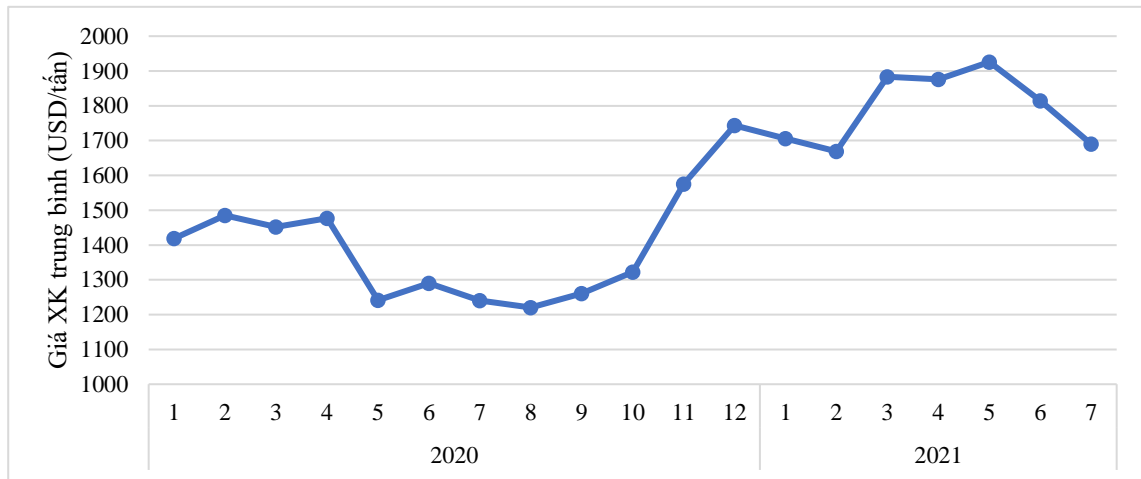
Hình 22: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 7/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su tự nhiên xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ giảm nhẹ trong tháng 7/2021 đạt mức 1.690 USD/tấn, giảm 6,8% so với tháng trước, nhưng tăng 36,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 23: Giá cao su xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7/2021, top 3 công ty xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ là Công ty CP Đầu tư Cao su Đắc Lắc, Công ty TNHH Sản xuất Cao su Liên Anh và Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Linh Hương. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt 11,5%, 11,4% và 9,9% tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ.

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cà phê

Theo ước tính của ICO, tiêu thụ khu vực Bắc Mỹ niên vụ 2020-2021 sẽ tăng sẽ tăng 3,7% so với niên vụ trước, đạt 31,76 triệu bao nhờ tiêu thụ tăng lên khi nới lỏng các hạn chế do Covid 19. Tuy nhiên, các chuyên gia kinh tế của ngân hàng Goldman Sachs đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế của Mỹ trong quý 3/2021 từ 9% xuống 5,5% do ảnh hưởng của biến thể Delta, nhưng lại nâng dự báo tăng trưởng cho quý 4 trở đi. Xuất khẩu cà phê sang Hoa Kỳ tiếp tục gặp khó khăn do tình trạng tắc nghẽn dự kiến sẽ trở nên tồi tệ hơn do thời tiết khắc nghiệt, nhu cầu trước kỳ nghỉ lễ và sự gián đoạn liên quan đến Covid-19, dự báo mùa cao điểm sẽ tiếp tục kéo dài đến Tết Nguyên đán 2022.

2. Hồ tiêu

Số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan tháng 7/2021 cho thấy những sụt giảm tương đối lớn trong kim ngạch xuất khẩu của hồ tiêu Việt Nam ra thế giới nói chung và ở tất cả các thị trường nói chung, tuy nhiên, Hoa Kỳ hiện vẫn là thị trường nhập khẩu hồ tiêu lớn nhất của Việt Nam, chiếm 34,59% tổng kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam trong tháng này, cao hơn cả các thị trường lớn với nhiều quốc gia thành viên như EU và ASEAN gộp lại (chỉ chiếm 24,05%). Trong tháng tới, giá hồ tiêu xuất khẩu có thể sẽ vẫn tiếp tục tăng do nguồn cung hạn chế và giá thu mua trong nước vẫn ở mức cao, chưa có sự điều chỉnh, nhưng sản lượng và kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu vào Hoa Kỳ dự báo sẽ vẫn giảm do dịch bệnh Covid-19 bùng phát quá mạnh kéo theo tình trạng giãn cách xã hội kéo dài ở nhiều tỉnh trọng điểm và đặc biệt là ở HCM nơi có cảng biển xuất khẩu chủ yếu của hồ tiêu cũng như vẫn chưa giải quyết được vấn đề thiếu tải đường biển và kiểm soát được giá cước biển.

3. Thủy sản

Theo đánh giá của nhiều chuyên gia, nhu cầu tiêu thụ thủy sản tại thị trường Hoa Kỳ những tháng cuối năm vẫn giữ được nhịp tăng trưởng tốt do quốc gia này đang trở lại mạnh. Tuy nhiên, sản phẩm thủy sản của Việt Nam đang chịu sự cạnh tranh lớn từ Ê-cu-đô và các quốc gia trong khu vực ASEAN nhất là với sản phẩm tôm. Dịch Covid đang ảnh hưởng lớn đến sản xuất và chế biến thủy sản của Việt Nam đặc biệt ở khu vực phía nam. Các doanh nghiệp xuất khẩu cần xây dựng phương án sản xuất trong tình trạng dịch bệnh vẫn diễn biến hết sức phức tạp để đảm bảo an toàn và không bị đứt gãy chuỗi sản xuất.

4. Cao su

Theo báo cáo của Freedonia Focus Reports, nhu cầu cao su của Hoa Kỳ được dự báo sẽ tăng gần 1,1%/năm cho tới năm 2023, do nhu cầu gia tăng của các sản phẩm từ cao su. Dự báo xuất khẩu cao su sang Hoa Kỳ sẽ tiếp tục tăng trong những tháng cuối năm.

PHỤ LỤC

Bảng 1: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 7/2021

STT	Sản phẩm	Tháng 7/ 2021 (USD)	Tăng /giảm so T6/2021	Tăng /giảm so T7/2020	Tỷ trọng T7/2021
1	Cà phê	23.800.692	33,56%	-85,45%	1.78%
2	Cao su	6.711.411	6,80%	-97,21%	0.50%
3	Chè	639.729	-2,88%	-96,30%	0.05%
4	Gạo	523.462	-30,91%	-99,72%	0.04%
5	Gỗ và sản phẩm gỗ	840.939.337	-17,71%	-23,98%	63.03%
6	Hàng rau quả	23.056.463	-20,90%	-89.02%	1.73%
7	Hàng thủy sản	236.558.018	0,52%	-69.53%	17.73%
8	Hạt điều	109.851.510	-12,14%	-49.96%	8.23%
9	Hạt tiêu	24.462.360	-19,29%	-32.82%	1.83%
10	Mây tre đan	37.136.769	-6,06%	-29.86%	2.78%
11	SP từ cao su	30.522.151	-11,57%	-54.10%	2.29%
12	TÀGS &NL	10.962.644	-6,76%	-84.48%	0.82%
Tổng XK NLTS		1.345.164.546	-13,39%	45,31%	100,00%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 2: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hoa Kỳ tháng 7/2021

Loại sản phẩm	Tháng 7/2020		Tháng 7/2021		So sánh 2021/2020 (%)	
	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
Gạo thơm	1.172	868.058	555	378.447	-52,7%	-56,4%
Gạo trắng	229	126.760	148	81.841	-35,2%	-35,4%
Các loại gạo khác	50	36.686	85	63.173	69,8%	72,2%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hoa Kỳ tháng 7/2021

Loại sản phẩm	Tháng 7/2020	Tháng 7/2021	So sánh T7.2021/T7.2020
	(USD)	(USD)	
Tổng giá trị XK	13.005.501	23.056.463	77,3%
Sầu riêng	726.874	3.742.500	414,9%
Thanh long	698.658	3.258.280	366,4%
Dừa	1.570.593	2.852.807	81,6%

Nấm các loại	648.458	1.183.081	82,4%
Vải	284.991	466.145	63,6%
Nhãn	449.662	464.940	3,4%
Xoài	619.504	362.556	-41,5%
Vú sữa	11.251		-100,0%
Khác	7.995.511	10.726.154	34,2%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng cà phê sang Hoa Kỳ tháng 7/2021

Loại sản phẩm	Tháng 7/2020	Tháng 7/2021	So sánh T7.2021/T7.2020
	(USD)	(USD)	
Chưa rang chưa khử cafein	13.938	19.346	38,80%
Chưa rang đã khử cafein	1.089	1.484	36,26%
Đã rang chưa khử cafein	245	780	217,97%
Đã rang đã khử cafein	1	3	161,15%
Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê	316	1.161	267,79%
Tinh chất, chiết xuất cô đặc	1.806	1.026	-43,20%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang Hoa Kỳ tháng 7/2021

Loại sản phẩm	Tháng 7/2020	Tháng 7/2021	So sánh T7.2021/T7.2020
	(USD)	(USD)	
Cá da trơn	32.589.321,54	27.270.380,91	19,50%
Cá ngừ	28.369.723,00	26.644.579,34	6,50%
Cá rô phi	697.236,40	200.147,00	248,40%
Cua, ghẹ	8.814.108,09	2.843.010,96	210,00%
Mực và bạch tuộc	1.321.724,31	954.445,24	38,50%
Tôm	143.504.812,06	112.265.780,69	27,80%
Thủy sản khác	21.261.092,38	14.175.964,87	50,00%
Tổng	236.558.017,78	184.354.309,00	28,30%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng hồ tiêu sang Hoa Kỳ tháng 7/2021

Loại sản phẩm	Tháng 7/2020	Tháng 7/2021	So sánh T7.2021/T7.2020
	(USD)	(USD)	
Tiêu đen chưa xay	30,200,498	67,622,955	123.91%
Tiêu trắng chưa xay	6,916,533	11,269,814	62.94%
Tiêu đen đã xay	541,268	592,742	9.51%
Tiêu trắng đã xay	4,734,234	9,663,864	104.13%
Tiêu loại khác chưa xay	2,544,777	4,064,787	59.73%
Tiêu loại khác đã xay	30,200,498	67,622,955	107.43%
Tổng	44,937,309	93,214,162	123.91%

Nguồn: Tổng cục Hải quan